

**FURTHER DISCUSSION ON
“COMPARATIVE LITERATURE”
AND THE FORMATION AND
DEVELOPMENT OF CHINESE
COMPARATIVE LITERATURE**

Nguyen Thi Mai Chanh

*Faculty of Philology, Hanoi National
University of Education, Hanoi city, Vietnam*

Corresponding author Nguyen Thi Mai Chanh,
e-mail: maichanhnguyen@gmail.com

Received July 17, 2024.

Revised July 23, 2024.

Accepted August 15, 2024.

Abstract. Nowadays, the wave of globalization has influenced every field, encouraging the extension of the domestic literature which was previously confined within their philosophy to the global literature. Through the interdimensional exchange of cultural products via publication and translation, several trends of writing, authors, and literary works were widespread. This circumstance also brings various non-literary effects of other art forms into the literature, which deepens the internal relationships of literary dynamics in their own country while forming new relationships between the literature and other cultural elements. These relationships might be well analyzed and researched by Comparative literature (*Littérature comparée*). East Asian countries such as China and Japan, whose cultures are representatives of the continent's culture and are "bridgeheads" of the East-West interaction, can be considered noteworthy cases in the history of World Literature, particularly in the history of Comparative Literature. This essay affirms the significance of Comparative Literature and focuses on tracing the formation and development of this literary research field in China.

Keywords: comparative literature, Chinese literature, literary studies, Chinese comparative literature.

**BÀN THÊM VỀ “VĂN HỌC SO SÁNH”
VÀ SỰ HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN
CỦA NGÀNH VĂN HỌC SO SÁNH
TRUNG QUỐC**

Nguyễn Thị Mai Chanh

*Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội,
thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Mai Chanh,
e-mail: maichanhnguyen@gmail.com

Ngày nhận bài: 17/7/2024.

Ngày sửa bài: 23/7/2024.

Ngày nhận đăng: 15/8/2024.

Tóm tắt. Ngày nay, làn sóng toàn cầu hoá đã lan đến tận hầu khắp các địa hạt, văn học các nước không thể giam mình trong lâu đài dân tộc trung tâm luận biệt lập, các quốc gia với nền văn học của mình đều tham dự vào nền văn chương thế giới. Các trào lưu văn học, tác gia và tác phẩm thông qua sự mở rộng của thị trường văn hóa (xuất bản và dịch thuật) tiếp xúc với nhau, tác động đa chiều tới nhau. Và bản thân văn học cũng không còn có thể yên nhiên trong địa vực của mình, mà chịu ảnh hưởng của các loại hình nghệ thuật khác, chịu tác động của cả các yếu tố phi văn học. Tình hình đó hoặc làm sâu sắc thêm những mối quan hệ nội tại của mỗi nền văn học, cũng như làm hình thành thêm những mối quan hệ mới giữa văn học với các thành tố văn hóa khác. Những mối quan hệ ấy sẽ được lí giải và nghiên cứu bởi văn học so sánh. Các nước châu Á như Trung Quốc và Nhật Bản, do tính cách tiêu biểu của văn hóa tại châu lục và đều là những “đầu cầu” của mối liên hệ giao lưu Đông - Tây nên rất đáng được xét đến như những trường hợp quan trọng trong lịch sử văn học thế giới nói chung, lịch sử văn học so sánh nói riêng. Bài viết của chúng tôi thêm một lần khẳng định vai trò quan trọng của bộ môn văn học so sánh và tập trung nghiên cứu sự hình thành, phát triển ngành nghiên cứu văn học này tại Trung Quốc.

Từ khóa: văn học so sánh, văn học Trung Quốc, nghiên cứu văn học, văn học so sánh Trung Quốc.

1. Mở đầu

Lấy mốc khai sinh từ năm 1886, tính đến nay “văn học so sánh” (Comparative literature/ Littérature comparée) đã có lịch sử hình thành và phát triển non 150 năm. Là một phân nhánh của nghiên cứu văn học, văn học so sánh tồn tại như bộ môn khoa học tương đối độc lập, có mục đích, đối tượng, phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu của nó. Trên thế giới, *Hiệp hội văn học so sánh quốc tế* được thành lập năm 1954, cùng năm đó, *Hội văn học so sánh Pháp* cũng đã được thành lập. Chưa đầy mười năm sau (1962), *Hội văn học so sánh Mỹ* cũng xuất hiện. Đến nay, các quốc gia như: Luxembourg, Thụy Sĩ, Anh, New Zealand, Hunggari, Ba Lan, Bỉ, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Canada, Úc, Nhật Bản, Trung Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc, Ấn Độ, Maroc, Nigeria, Nam Phi... đều đã thành lập Hội văn học so sánh. Trong đó, nổi tiếng là các trường phái văn học so sánh của Pháp, Mỹ, Nga-Xô viết và Trung Quốc. Văn học so sánh hiện nay đã được giảng dạy ở đại học và sau đại học tại hầu khắp các châu lục. Nguyễn Xuân Kính cho biết, từ cách đây hai mươi năm (2003), “người ta đã thống kê được 37 nước đã thành lập khoa Văn học so sánh trong trường đại học hay thành lập Viện khoa học chuyên nghiên cứu về văn học so sánh. Cụ thể là ở Úc có 2 trường đại học, ở Brazil có 4 trường, ở Canada có 8, ở Anh có 12, ở Nhật Bản có 3, ở Đài Loan có 1; ở Đức số trường đại học có khoa và học viện nghiên cứu về văn học so sánh lên đến con số 23” [1]. Đối tượng nghiên cứu của văn học so sánh, nói một cách tổng quát, là các mối quan hệ ảnh hưởng và song song giữa các nền văn học cũng như mối quan hệ liên ngành giữa văn học và các ngành nghệ thuật khác, giữa văn học và các ngành khoa học xã hội và tự nhiên. Ở Việt Nam, từng bước một, nhận thức về văn học so sánh như là một phân ngành hay bộ môn khoa học ngày càng sâu sắc. Cho đến nay, không tính các sách biên dịch, các chuyên luận về văn học so sánh xuất bản thành sách tại Việt Nam đã lên tới hàng chục, ghi nhận nhiều thành tựu nghiên cứu lí thuyết và thực tiễn quan trọng. Văn học so sánh cũng đã được đem vào chương trình đào tạo cao học và nghiên cứu sinh ngành Văn học trong khuôn khổ chuyên đề hay môn học ở một số trường đại học. Về văn học so sánh Trung Quốc, gần đây tại Việt Nam, tác giả Ngô Viết Hoàn có bài viết “Tiếp nhận và ứng dụng lí thuyết văn học so sánh ở Trung Quốc qua các thời kì” [2] đã khái quát quá trình hình thành, phát triển của văn học so sánh Trung Quốc từ lúc manh nha đến khi phát triển lớn mạnh, trở thành một bộ môn quan trọng của Khoa học xã hội nhân văn. Nhà nghiên cứu đã phân tích một cách hệ thống những nỗ lực của các du học sinh Trung Quốc giai đoạn Văn Thanh - Dân Quốc trong việc xây dựng bộ môn nghiên cứu văn học so sánh tại nước này như thế nào, sự tiếp nhận và ứng dụng lí thuyết văn học so sánh từ sau thời kì Dân Quốc đến trước 1985 và từ năm 1985 đến nay ra sao. Bài viết của chúng tôi như một sự bổ sung, tiếp nối công trình khoa học trên, góp phần khẳng định sự đóng góp không nhỏ của văn học so sánh Trung Quốc đối với sự phát triển của nền văn học đất nước này cũng như nền văn học thế giới.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Về định nghĩa “văn học so sánh”

Ngày nay, quan niệm cho rằng, văn học so sánh là một bộ môn khoa học nghiên cứu các mối quan hệ giữa các nền văn học dân tộc là chưa đầy đủ. Thực tiễn hoạt động của văn học so sánh cho thấy, các nhà chuyên môn trong ngành này không chỉ nghiên cứu mối quan hệ qua lại cũng như những đặc điểm tương đồng và khác biệt giữa các nền văn học, mà còn đối chiếu văn học với các loại hình nghệ thuật khác như điêu khắc, hội hoạ, âm nhạc, kiến trúc...; hay với cả các ngành khoa học khác như triết học, lịch sử,... Phạm vi nghiên cứu của văn học so sánh phụ thuộc vào cách “giới hạn” mối quan hệ văn học. Cứ như cách hiểu của Marius-François Guyard thì có thể nói, phạm vi nghiên cứu của văn học so sánh là gần như không thể giới hạn: “Khi không còn mối quan hệ nào nữa, cho dù đó là quan hệ của một người nào đó với một văn bản, của một tác phẩm nào đó với môi trường tiếp nhận, của một đất nước nào với một du khách, thì khi đó phạm vi của văn học so sánh mới kết thúc...” [3].

Văn học so sánh được hiểu với nội hàm nghĩa rộng rãi nhất là định nghĩa của Henry Remak (thuộc trường phái văn học so sánh Hoa Kỳ). Tác giả này viết trong *Comparative Literature: Its Definition and Function* (*Văn học so sánh: Định nghĩa và chức năng*) được Trần Thanh Đạm dẫn trong bài “Mấy vấn đề về đối tượng và chức năng của văn học so sánh”: “Văn học so sánh là sự nghiên cứu văn chương bên ngoài giới hạn của một xứ sở riêng biệt, và là sự nghiên cứu mối liên hệ giữa văn chương một bên với các lĩnh vực tri thức và tín ngưỡng khác, như nghệ thuật (hội họa, điêu khắc, kiến trúc, âm nhạc), triết học, lịch sử, các khoa học xã hội (chính trị, xã hội học, kinh tế học), các khoa học, tôn giáo v.v. một bên khác. Tóm lại đây là sự so sánh một nền văn chương với một hay nhiều nền văn chương khác và sự so sánh văn chương với các lĩnh vực biểu đạt khác của con người” [4]. Định nghĩa trên từng được Susan Bassnett - giáo sư Trung tâm Phiên dịch học và Văn hóa học so sánh, Đại học Warwick (Mỹ), tác giả chuyên luận *Tổng quan văn học so sánh* - tường dẫn. Susan Bassnett đánh giá: “Bài viết của Remak đã đặt nền móng cho văn học so sánh Mỹ là một bộ môn khác với trường phái Pháp, do đó đã bẻ gãy quyền lực của mô hình Pháp một lần và mãi mãi. Định nghĩa của Remak là tổng kết các xu hướng thực tế diễn ra ở Mỹ và quả thực đã trở thành một tuyên ngôn của trường phái văn học so sánh Mỹ” [5]. Cũng chính Susan Bassnett là người đã chỉ rõ sự khác biệt giữa hai trường phái Pháp và Hoa Kỳ khi dẫn ra định nghĩa văn học so sánh của hai bên. Bà viết: “Định nghĩa rộng rãi này của Remak thường được trích dẫn và ít bị công kích. Trong khi các học giả Pháp tốn nhiều thời gian và công sức cố giới hạn văn học so sánh trong những đường biên vạch ra chính xác cái gì có thể và không thể là riêng cho bộ môn, thì Remak và các đồng nghiệp lại đưa ra một định nghĩa có ý thức vượt qua các đường biên. Theo Remak và trường phái Mỹ, cái nào cũng có thể so sánh được với cái nào, bất luận nó có phải là văn học hay không. Điểm mấu chốt trong lập luận của Remak là quan niệm rằng văn học so sánh không nên xem như một bộ môn biệt lập với các quy luật riêng của mình, mà nên xem nó như một bộ môn phụ trợ, như một cây cầu bắc giữa các khu vực bộ môn. Từ khóa trung tâm trong phương pháp của ông là “quá trình”, khác với ở trường phái Pháp là “sản phẩm”” [5].

Sự ra đời của văn học so sánh xét như một ngành/môn khoa học, dĩ nhiên là kết quả của một ý thức lí luận đã đến hồi chín muồi. Các học giả không khó khăn khi chọn mốc khai sinh bộ môn này. Nhưng trải qua suốt trường kì lịch sử, cảm thức văn học so sánh là một cảm thức phổ biến trong các nền văn hóa nói chung. Susan Bassnett đã mô tả rất hay cái trạng thái đó trong phần dẫn luận cuốn sách nổi tiếng của bà - *Văn học so sánh: Dẫn luận phân tích* (*Comparative Literature: A Critical Introduction*, Nxb Wiley-Blackwell, 1993): “Phần lớn mọi người không phải ngay từ đầu đã đến với văn học so sánh, mà họ đến với nó ở cuối chặng hành trình theo cách này hay cách khác, khi đi về phía nó từ các xuất phát điểm khác nhau. Đôi khi cuộc hành trình bắt đầu từ ý muốn vượt ra ngoài các biên giới tỏ ra hết sức chật hẹp của một khu vực đề tài riêng lẻ, đôi khi độc giả bị buộc phải theo cái tỏ ra giống nhau giữa các văn bản của các tác giả thuộc các hoàn cảnh văn hóa khác nhau. Và một số độc giả thì chỉ đơn giản là theo quan niệm của Matthew Arnold trong bài diễn văn khai giảng tại Oxford năm 1857 khi ông nói: “Hề đâu có sự kết nối, ở đó có sự minh họa. Không một sự kiện riêng lẻ nào, không một nền văn học riêng lẻ nào được hiểu đầy đủ nếu nằm ngoài liên hệ với các sự kiện khác, với các nền văn học khác”. Hầu như có thể nói rằng bất kì ai quan tâm đến sách thì đều bước lên con đường tiến tới cái được gọi tên là văn học so sánh (...). Hề khi ta bắt đầu đọc là ta đi qua các biên giới, ta liên tưởng và kết nối, việc đọc không còn ở trong một nền văn học riêng lẻ nữa mà ở trong một không gian mở của Văn học với chữ V viết hoa, cái mà Goethe gọi là Weltliteratur. Goethe nói rằng ông thích “được biết về các sản phẩm nước ngoài” và khuyên mọi người cũng nên vậy. “Càng ngày tôi càng thấy rõ thơ là tài sản chung của loài người”, ông nhận xét” [5].

Khẳng định thú vị “Hầu như có thể nói rằng bất kì ai quan tâm đến sách thì đều bước lên con đường tiến tới cái được gọi tên là văn học so sánh” cho thấy phản xạ văn học so sánh hẳn là một phản xạ tự nhiên nơi người tiếp nhận văn học. Nói cách khác, khi đọc văn, thế tất ta sẽ ở ngay vào trạng thái tiếp cận liên văn bản, và vì thế đồng thời ở ta cũng sẽ nảy sinh một cách tự nhiên ý

thức văn học so sánh. Trong đoạn trích dẫn trên, S. Bassnett nói đến một cái “ai” phiếm chỉ, nói đến một hành động “đọc” phổ thông nói chung. Dĩ nhiên, trong số đông đảo những “ai” “đọc” đó có cả nhà văn học so sánh, bản thân anh ta đang trải nghiệm một thứ văn học so sánh khi tiếp nhận văn bản văn học cụ thể. Nhưng nhà văn học so sánh không chỉ nghiên cứu văn học so sánh như là nhà văn học sử, nhà lí luận phê bình văn học. Ngoài trải nghiệm của bản thân (một độc giả) ra, anh ta còn phải quan tâm tới việc đọc của bạn đọc. Anh ta cũng phải biết những trải nghiệm liên hệ tương đồng, dị biệt, ảnh hưởng giữa các hiện tượng, sự kiện văn chương của mình có phải cũng đã xảy ra hay được xác thực nơi đông đảo độc giả hay không. Nghiên cứu văn học có hai trào lưu lớn - phương pháp Xã hội học (Sociocriticism) và Mĩ học tiếp nhận (Receptional Aesthetic) hình thành sớm muộn cách nhau một thời gian rất xa. Cả hai phương pháp này, theo cách của chúng đều đặc biệt quan tâm tới phản ứng của bạn đọc. Mà đọc, hay nói khái quát là tiếp nhận tác phẩm văn học, như vừa chỉ ra, không thể không là “văn học so sánh”. Dù có không ít ý kiến nghi ngờ sự cần thiết của văn học so sánh, song sự tồn tại của các trào lưu nghiên cứu trên thực tế đã biện minh gián tiếp cho sứ mệnh của ngành khoa học này.

2.2. Văn học so sánh Trung Quốc - Sự ra đời và phát triển

Tại Trung Quốc, từ cuối đời Thanh, Lương Khải Siêu trong tác phẩm *Ám Bãng Thất thi thoại* 《次水室诗话》 đã tiến hành so sánh thơ trường thiên của Hồ Tôn Hiến với sử thi phương Tây. Vương Chung Kỳ cho rằng *Thủy hử* là “tiểu thuyết xã hội chủ nghĩa”, “tiểu thuyết đảng hư vô chủ nghĩa” nên cũng so sánh tác phẩm này với tác phẩm của Lev Tolstoy, Charles Dickens. Tô Mạn Thù (nhà văn, họa sĩ, dịch giả, thông hiểu cả tiếng Anh, tiếng Nhật và tiếng Phạn, có dịch phẩm *Tuyển tập thơ Byron* xuất bản năm 1909) thì so sánh thơ của hai nhà thơ lãng mạn đời Đường là Lý Bạch và Lý Hạ với thơ của hai nhà thơ lãng mạn Anh đầu thế kỉ XIX là L. Byron và P.B. Shelley. Chu Tác Nhân cũng đặc biệt chú trọng liên hệ văn học Trung Quốc với văn học Nga. Trong bài viết “Trung Quốc và Nga - Nói chuyện văn chương” đăng trên *Phụ san Thần Báo*, ông từng bình luận: “Tình hình Trung Quốc khác các nước Tây Âu, nhưng so với Nga có nhiều điểm tương đồng. Cho nên chúng ta tin tưởng văn học mới của Trung Quốc tương lai lẽ tự nhiên cũng sẽ là văn học hiện thực xã hội, văn học nhân sinh vậy” [6]... Dĩ nhiên, các dẫn chứng nêu trên, theo chúng tôi chỉ là những biểu hiện so sánh văn học, mang tính rời rạc, chưa thực sự thể hiện tính tự giác như yêu cầu đối với bộ môn nghiên cứu mang tính khoa học - văn học so sánh.

Sự xuất hiện rõ ràng của văn học so sánh Trung Quốc được xác định vào thời kì đầu thập niên 30 của thế kỉ XX với việc Phạm Tồn Trung (1903-1987), Trần Thụ Di (1899-1978) khởi sự nghiên cứu ảnh hưởng của văn học cổ điển Trung Quốc đối với Tây Âu. Cả hai đều từng lưu học Hoa Kỳ. Phạm Tồn Trung là tiến sĩ triết học Đại học Harvard (đã thỉnh giảng các chuyên đề về ảnh hưởng của văn hóa Trung Quốc đối với Tây phương tại Đại học Oxford vào năm 1944; là Hội trưởng danh dự Hội nghiên cứu Anh quốc Trung Quốc); Trần Thụ Di thì tốt nghiệp tiến sĩ văn học so sánh tại Đại học Chicago (với đề tài *Ảnh hưởng của văn học Trung Quốc thế kỉ XVIII đối với văn hóa Anh*). Sau năm 1936, Trần Thụ Di quay lại Hoa Kỳ, giảng dạy tại Viện nghiên cứu văn hóa Đông Tây - Đại học Hawaii trước khi lưu chuyển giảng dạy tại các đại học khác ở Mỹ cho đến lúc mất. Trong thời gian còn giảng dạy ở Đại học Bắc Kinh (1931-1937), ông lên lớp các học trình: “Lịch sử cổ trung đại phương Tây”, “Văn nghệ Phục Hưng và cải cách tôn giáo”, “Lịch sử châu Âu thế kỉ XVII”, “Lịch sử tiếp xúc văn hóa Trung Quốc và Châu Âu”. Tiếp đó, ông công bố một số luận văn về văn học so sánh đáng chú ý như: *Quan điểm văn hóa Trung Quốc về nhân vật Robinson Crusoe*; *Bản dịch sớm nhất tại châu Âu tiểu thuyết Hảo cầu truyện*; *Vườn cảnh Trung Quốc ở châu Âu thế kỉ XVIII*.

Từ cuối đời Thanh bước qua thời Trung Hoa Dân Quốc, một thế hệ học giả, tác gia tân học trở thành trụ cột văn hóa mới, ý thức văn học so sánh đã xuất hiện trong các công trình của các nhà văn hóa lớn đương thời. Chúng ta có thể kể đến các công trình sau: *Sức mạnh của dòng thơ ma-ra* của Lô Tấn; *Tạp đàm về văn học cận đại Nga* của Mao Thuần; *Nghiên cứu văn hoá Trung - Đức* của Trần Thuyên; *Đàm nghệ lục* của Tiền Chung Thư; *Thi luận* của Chu Quang Tiềm; *Tân*

thi tạp thoại của Chu Tự Thanh; *Nghệ thuật thơ* của Lý Quảng Điền... Đây đều là những tác phẩm khơi dòng cho văn học so sánh Trung Quốc. Về mặt dịch trực tiếp các tác phẩm lí luận văn học so sánh phương Tây, công lao thuộc về Đới Vọng Thư và một số dịch giả khác. Đới Vọng Thư (1905-1950) là nhà thơ, dịch giả lớn của Trung Quốc trước năm 1950. Ông từng lưu học Pháp, tinh thông tiếng Nga. Năm 2010, nhân kỉ niệm 60 năm ngày mất của ông, Trung Quốc đã tái bản bản dịch Trung văn của Đới Vọng Thư cuốn sách từng được coi là tài liệu nhập môn ngành văn học so sánh của sinh viên Pháp: *La littérature comparée* của Paul van Tieghem (Paris, 1931; bản dịch Trung văn:《比较文学论》).

Các học giả Trung Quốc đều nhất trí cho rằng, cụm từ “văn học so sánh” (比较文学 - âm Hán Việt là “tỉ giao văn học”) ra đời thời Ngũ Tứ. Đó là thời kì Trung Quốc bước vào giai đoạn hiện đại hóa, giao lưu văn hóa Trung Quốc và phương Tây đạt quy mô lớn nhất. Văn hóa - giáo dục, đặc biệt là giáo dục đại học khởi sắc chưa từng có. Trung Hoa từ Ngũ Tứ qua các thập niên Dân Quốc thực sự đã được hiện đại hóa. Văn đàn cũng như sinh hoạt báo chí và ngành khoa học xã hội nhân văn có những bước tiến lớn. Giới sáng tác cũng như nghiên cứu có nhiều người Tây học. Họ thoát ra khỏi tâm nhĩn “Hoa Hạ trung tâm luận”, hòa mình vào tiến trình văn học thế giới và giao tiếp đa ngữ. Chính đặc điểm thời đại như thế đã tạo điều kiện tất yếu cho sự xuất hiện văn học so sánh.

Tính ra, kể từ lúc manh nha xuất hiện cho đến nay, văn học so sánh Trung Quốc cũng đã có lịch sử trăm năm. Từ “trăm năm” này được dùng trong tên một công trình của một chuyên gia văn học so sánh Trung Quốc đương đại - Vương Hướng Viễn, giáo sư Học viện văn học, Đại học Sư phạm Bắc Kinh: cuốn *Lịch sử trăm năm văn học so sánh Trung Quốc*. Để phân nào thấy được một phần lịch sử văn học so sánh Trung Quốc hiện đại và cũng là để thay cho điểm thuật lan man, chúng tôi xin tập trung giới thiệu tác giả Vương Hướng Viễn và cuốn sách này của ông. Vương Hướng Viễn đã xuất bản hàng chục công trình về văn học so sánh nói chung, văn học so sánh Trung - Nhật nói riêng. Chúng ta có thể điểm lược gồm các tác phẩm: *Bàn về lịch sử văn học phương Đông* 《东方文学史通论》, Nxb Văn nghệ Thượng Hải, 1994, 1997, 2005, 2006; *Bàn về so sánh văn học hiện đại Trung - Nhật*《中日现代文学比较论》, Nxb Giáo dục Hồ Nam, 1998; *Lịch sử dịch thuật văn học Nhật Bản ở Trung Quốc thế kỉ XX* 《二十世纪中国的日本翻译文学史》, Nxb Đại học Bắc Kinh, 2001; *Văn học các nước phương Đông tại Trung Quốc - Luận thuật lịch sử nghiên cứu và dịch thuật*《东方各国文学在中国-译介与研究史述论》, 2001; *Văn học so sánh - Một cách nhìn mới*《比较文学学科新论》, 2002; *Hai mươi năm nghiên cứu văn học so sánh Trung Quốc* 《中国比较文学研究二十年》, 2003 (cả ba tác phẩm trên đều trong *Tùng thư xây dựng ngành văn học thế giới và văn học so sánh*《比较文学与世界文学学科建设丛书》, Nxb Giáo dục Giang Tây); *Chìa khóa của văn học so sánh* 《比较文学的钥匙》 bản tiếng Hàn của dịch giả Văn Đại Nhất, xuất bản tại Hàn Quốc, 2011; *Cuộc xâm lăng văn hóa của Nhật Bản đối với Trung Quốc*《日本对中国的文化侵略》, Nxb Côn Minh, 2005; *Nước trong đầu nguồn - Tiểu thuyết lịch sử đương đại Nhật Bản và văn hóa lịch sử Trung Quốc*《源头活水-日本当代历史小说与中国历史文化》, Nxb Nhân dân Ninh Hạ, 2006; *Lịch sử văn học Nhật Bản viết về đề tài Trung Quốc*《中国题材日本文学史》, Nxb Thư tịch cổ Thượng Hải, 2007; *Bài giảng văn học so sánh vĩ mô* 《宏观比较文学讲演录》, Nxb Đại học Sư phạm Quảng Tây, 2008; *Phổ hệ học văn học so sánh* 《比较文学系谱学》, Nxb Đại học Sư phạm Bắc Kinh, 2009; *Giáo sư Vương Hướng Viễn - Bài giảng văn học dịch và văn học so sánh* 《坐而论道-王向远教授讲比较文学与翻译文学》, *Cách đọc Hán ngữ đối Hòa văn - Giáo sư Vương Hướng Viễn nói chuyện văn học Nhật Bản* 《和文汉读-

王向远教授讲日本文学》, Nxb biên dịch Trung ương, 2014; *Lịch trình học thuật nghiên cứu văn học Nhật Bản* 《日本文学研究的学术历程》, Nxb Trùng Khánh, 2016. Các sách do Vương Hương Viễn đồng tác giả hoặc chủ biên còn có: *Nghiên cứu văn học so sánh* (trong bộ *Tùng thư Lịch sử nghiên cứu học thuật khoa học nhân văn Trung Quốc thế kỉ XX*, đồng tác giả với Nhạc Đại Vân), Nxb Nhân dân Phúc Kiến, 2006; *Phật tâm Phạn ảnh - tác gia Trung Quốc và văn hóa Ấn Độ* 《佛心梵影 - 中国作家与印度文化》, Nxb Đại học Sư phạm Bắc Kinh, 2007; *Tra cứu luận văn văn học so sánh Trung Quốc* 《中国比较文学论文索引》, Chủ biên, Nxb Giáo dục Giang Tây, 2002; *Niên giám văn học so sánh Trung Quốc* 《中国比较文学年鉴》 cùng chủ biên với Tào Thuận Khánh, Nxb Khoa học xã hội Trung Quốc, 2010; *Tùng thư các nhà văn học so sánh nổi tiếng* 《比较文学名家讲堂丛书》, 20 cuốn, chủ biên, Nxb biên dịch Trung ương, 2014; *Giảng dạy và nghiên cứu văn học so sánh* 《比较文学教研论丛》 cùng chủ biên với Trần Hanh, Nxb Nhân dân Ninh Hạ, 2008; Nxb Đại học Nam Kinh, 2011; Nxb Đại học Hà Nam, 2015...

Cuốn *Lịch sử trăm năm văn học so sánh Trung Quốc* 《中国比较文学百年史》 của Vương Hương Viễn được Nxb Khoa học xã hội Trung Quốc ấn hành năm 2016. Trong sách này, ông phân chia “bách niên sử” của văn học so sánh Trung Quốc thành các giai đoạn đại lược như sau:

(1) Giai đoạn 20 năm mở đầu (1898 – 1919): đây là giai đoạn hình thành nhân quan văn học thế giới và khai sinh văn học so sánh Trung Quốc. Giai đoạn này gắn liền với những tên tuổi khai sơn phá thạch như Vương Quốc Duy (1877-1924) và Lỗ Tấn (1881-1936).

(2) Giai đoạn 30 năm (1920 – 1949): đây là giai đoạn văn học so sánh phát triển. Giai đoạn này phân chia thành hai mảng: giao lưu văn học Trung - Ấn và giao lưu Trung Quốc - phương Tây. Đây cũng là giai đoạn hình thành lí luận văn học dịch.

(3) Giai đoạn 30 năm (1950 – 1979): đây là thời kì sa sút của tất cả các ngành xã hội nhân văn, trong đó văn học so sánh tiêu điều nhất.

(4) Giai đoạn 20 năm cuối thế kỉ XX (1980 – 2000): là giai đoạn phồn vinh của văn học so sánh. Trong thời kì Cải cách mở cửa, Trung Quốc xuất bản nhiều công trình chuyên đề văn học so sánh. Nỗ lực của các học giả là xây dựng một khoa văn học so sánh thực sự. Thành tựu văn học so sánh tiêu biểu nhất ngay sau Cải cách mở cửa là sự kiện xuất bản bộ *Quản chùy biên* 《管锥编》 của Tiền Chung Thư - một nhà văn, học giả lớn của Trung Quốc, người được xem là “núi Côn Lôn của văn hóa Trung Hoa hiện đại” [7].

(5) Giai đoạn 10 năm đầu thế kỉ XXI (2000 – 2010): trên đại thể, văn học so sánh Trung Quốc giai đoạn này được “quy hoạch” thành các mảng lớn: văn học so sánh Đông phương (so sánh Trung - Ấn, Trung - Nhật, Trung - Hàn, Trung Quốc - Đông Nam Á) và văn học so sánh Trung - Tây (Nga, Đức, Anh, Pháp; Hoa Kỳ; Mỹ La tinh và Úc).

(6) Giai đoạn những năm tiếp theo thập niên đầu tiên của thế kỉ XXI: giai đoạn này xuất hiện khuynh hướng văn học so sánh tổng thể: so sánh các trào lưu-trường phái tại Trung Quốc cũng như phương Tây từng phát sinh trong lịch sử; ảnh hưởng và truyền bá văn hóa Trung Quốc tại hải ngoại qua các thời kì lịch sử; giao lưu thể loại văn học Trung Quốc và nước ngoài; so sánh thân thoại học, tự sự học truyện cổ dân gian Trung Quốc và hải ngoại.

Điểm thuật trên cho thấy, giai đoạn 30 năm (1950 – 1979) được xem là thời kì sa sút của tất cả các ngành xã hội nhân văn nói chung của Trung Quốc. Việc phân tích kĩ hơn tình hình lịch sử xã hội Trung Quốc giai đoạn này sẽ giúp ích ít nhiều cho việc nhận thức sâu sắc hơn về văn học so sánh Trung Quốc. Đặc điểm lịch sử lớn nhất của giai đoạn sau ngày nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa thành lập là việc Trung Quốc tự cô lập với phương Tây. Tại Trung Quốc lúc bấy giờ, gần như toàn bộ khoa học xã hội nhân văn nói chung, bộ môn văn học so sánh nói riêng ngày càng xuống dốc. Tình hình còn ảm đạm hơn trong thời kì mười năm động loạn của cuộc Đại Cách mạng văn hóa (1966-1976) và Trung Quốc chỉ được hồi sức để đổi mới kể từ sau khi nước này tiến hành công cuộc Cải cách mở cửa với mục tiêu “bốn hiện đại hóa” đất nước. Dĩ nhiên, “phương

Tây” nói trên là chỉ các nước tư bản Âu Mỹ. Về mặt ngoại giao, Trung Quốc chủ yếu giữ mối quan hệ với khối các nước Đông Âu và đặc biệt là với Liên Xô. Số lượng trí thức sử dụng được tiếng Nga tăng cao, giao lưu văn hóa với Nga bước vào thời kỳ cao trào. Trong tình hình đó, văn học so sánh thiên hẳn về việc khảo sát, nghiên cứu mối quan hệ văn hoá Xô - Trung. Lịch sử văn học so sánh Trung Quốc ghi nhận, ngay đầu thập niên 1950, nhà nghiên cứu Qua Bảo Quyền (1913-2000) đã bắt đầu cho xuất bản nhiều chuyên luận nghiên cứu lịch sử ảnh hưởng văn học Xô - Trung. Qua Bảo Quyền là một nhà hoạt động văn hóa, dịch giả đa ngữ; riêng trong lĩnh vực giao lưu văn hóa Trung - Nga, ông là dịch giả văn học Nga cô điển. Ông cũng là phó tổng thư kí đầu tiên của Hội hữu nghị Xô - Trung, là tiến sĩ danh dự của Đại học Tổng hợp Quốc gia Moskva mang tên M.V. Lomonosov (MGU), từng nhận giải thưởng *Văn học Pushkin* năm 1988. Tác phẩm *Tô Liên văn học giảng thoại*《苏联文学讲话》 của ông xuất bản bởi *Tân Trung Quốc thư cục* vào tháng 4/1949. Chúng ta đều biết, tháng 10/1949 nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời đã tổ chức một hình thái xã hội chưa từng thấy trong quá khứ lịch sử của đất nước này. Đó là một thể chế nhà nước theo chế độ xã hội chủ nghĩa được lãnh đạo bởi Đảng Cộng sản Trung Quốc - sự lãnh đạo tuyên xưng thực hiện quyền chuyên chính dân chủ nhân dân. Đây chính là điều kiện lịch sử cụ thể tạo dựng một môi trường văn hóa xã hội-chính trị, trong đó văn học nghệ thuật tồn tại, hoạt động như là một bộ phận không thể phân tách - “những đỉnh ốc trong cỗ máy chế độ”. Hoàn cảnh văn hóa xã hội-chính trị mới đó tác động tức khắc tới toàn bộ nền văn hóa nói chung, hoạt động văn học (trong đó có văn học so sánh) nói riêng của Trung Quốc. Hình mẫu phát triển của Trung Quốc khi ấy chính là Liên Xô. Năm năm sau ngày lập quốc (1953), Đại hội các nhà văn toàn quốc họp lần thứ hai chính thức xác định chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa là chuẩn tắc cao nhất của hoạt động phê bình, nghiên cứu và sáng tác văn học. So với bất cứ thể loại nào, tự sự kiểu sử thi là “con cưng” của phương pháp sáng tác hiện thực xã hội chủ nghĩa. Cho nên không có gì đáng ngạc nhiên khi cũng như tại Liên Xô - quê hương của phương pháp sáng tác này, nền văn học xã hội chủ nghĩa sáng tác theo phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa của Trung Quốc thập niên những năm 50-60 chứng kiến sự lên ngôi của tiểu thuyết. Nếu các nhà văn học so sánh có ý nghiên cứu về giao lưu, ảnh hưởng hay phát triển tương đồng do cùng chịu sự chi phối của cùng một chủ nghĩa giữa văn học các nước xã hội chủ nghĩa hẳn dễ dàng nhận thấy những chủ đề chung trong hoạt động của nền văn học các quốc gia này, đó là: quan hệ giữa văn học và chính trị; tính giai cấp và tính người; ca ngợi và phê phán. Các chủ đề này thực sự được đẩy lên đến đỉnh cao tại Trung Quốc trong thời kỳ Đại cách mạng văn hóa kéo dài cả mười năm trời. Cuộc “cách mạng văn hóa” quả thực đã tạo nên một cục diện văn hóa xã hội dường như hết sức dị biệt, “không tiền khoáng hậu” - tức khó lòng so sánh được với bất cứ phong trào hay cuộc vận động chính trị xã hội nào ở các quốc gia khác. May mắn là, Trung Quốc đã kết thúc được thập niên đại động loạn này và bước sang được giai đoạn Cải cách mở cửa chính thức từ năm 1978. Như trên đã đề cập, thành tựu văn học so sánh tiêu biểu nhất ngay sau Cải cách mở cửa là sự kiện bộ *Quản chùy biên* của Tiền Chung Thu được xuất bản. Tiền Chung Thu (1910-1998) là một học giả mà hoạt động văn hóa trải dài từ thời Dân Quốc cho đến hết thế kỉ XX. Ông là đại diện ưu tú của giao lưu văn hóa Đông - Tây của Trung Quốc, nên xứng đáng để có sự giới thiệu kĩ hơn từ phương diện một nhà văn học so sánh.

Tiền Chung Thu xuất thân trong một gia đình dòng dõi thi thư. Ông học Đại học Thanh Hoa năm 1929. Sau khi tốt nghiệp khoa Ngoại quốc Ngữ văn (Department of Foreign Languages And Literatures) ở đại học này, hiệu trưởng cũng như một số giáo sư nổi tiếng của trường muốn giữ ông ở lại trường, đào tạo tiến sĩ ngành văn học Anh để làm việc tại Trung tâm nghiên cứu văn học phương Tây mới thành lập của Đại học Thanh Hoa. Năm 1935, Tiền Chung Thu lưu học Anh Quốc (Exeter College - University of Oxford). *Quản chùy biên* được Tiền Chung Thu khởi thảo từ năm 1972 khi ông được quay lại Bắc Kinh từ nơi lao động ở nông thôn. Công trình học thuật này cho thấy sức tham bác văn hóa Đông Tây, sự hiểu biết uyên thâm của Tiền Chung Thu. Giới học thuật trong ngoài nước đều nhất trí xem công trình này là một mốc lớn trong lịch sử văn học

so sánh Trung Quốc. *Quản chùy biên* trích dẫn một lượng lớn tài liệu nguyên ngữ những thứ tiếng của các nước châu Âu (tiếng Đức, tiếng Anh, tiếng Ý, tiếng Pháp, tiếng Tây Ban Nha và Latin cổ ngữ). Tiền Chung Thư gọi cái trạng thái tiếp cận đa ngữ, chu du giữa các nền văn chương đó là một cách “đa thông” văn hóa. Từ “đa thông” là một cách biểu đạt tinh thần văn học so sánh của vị học giả uyên bác này. *Quản chùy biên* thực sự là một đóng góp của tác giả cho ngành văn học so sánh Trung Quốc. Tác phẩm này đã có bản dịch Anh ngữ: *Limited Views: Essays on Ideas and Letters* của Ronald Egan, do Trung tâm Nghiên cứu châu Á - Đại học Harvard (Harvard University Asia Center) xuất bản năm 1998. Ronald Egan chọn dịch 65 đề mục từ trên tổng số 1400 đề mục của nguyên tác. Dịch giả Anh ngữ tự xếp 65 đề mục này vào 6 phần như sau: 1) Khái luận phê bình và mỹ học; 2) Tâm lí học cảm tri, tượng trưng và ẩn dụ; 3) Phong cách học văn học và ngữ nghĩa học; 4) Bàn về Lão Tử; 5) Quý và Thân; 6) Lí tưởng và xã hội. Bản tuyển dịch này gây tiếng vang lớn trong giới học thuật Hoa Kỳ, tạo ảnh hưởng quan trọng đối với giao lưu văn hóa Trung - Mỹ. Là một học giả đa ngữ, Tiền Chung Thư thông thạo cả tiếng Anh và tiếng Pháp; biết tiếng Hy Lạp, La Tinh, tiếng Đức, tiếng Tây Ban Nha và tiếng Ý. Tại Trung Quốc, tuyển tập tác phẩm Tiền Chung Thư dịch ra Anh ngữ cũng đã được xuất bản bởi nhà xuất bản Đại học Ngoại ngữ Bắc Kinh - tuyển tập nhan đề 《钱钟书英文文集 A Collection of Qian Zhongshu's English Essays》(外语教学与研究出版社 - Foreign Language Teaching and Research Press, 2005). Hẳn đây cũng là biểu hiện cụ thể của sự phát triển của văn học so sánh Trung Quốc hiện đại.

Cho đến năm 1985, Viện khoa học xã hội Trung Quốc, Đại học Bắc Kinh, Đại học sư phạm Bắc Kinh cùng gần chục cơ quan học thuật văn hóa trong nước đã thành lập *Hội văn học so sánh Trung Quốc*. Đây là một hội lớn nhất trong các hội nghiên cứu chuyên ngành Khoa học xã hội nhân văn tại nước này. Lẽ đương nhiên, không phải đến lúc này, hoạt động văn học so sánh mới đi đến một kết quả tổ chức như thế. Tiền thân *Hội văn học so sánh Trung Quốc* chính là “Hội nghiên cứu văn học so sánh Bắc Kinh” vốn đã có một lịch sử hoạt động lâu dài từ trước. Kể từ thập niên 90 của thế kỉ XX trở lại đây, đúng như lời nhận định của Hồ A Mẫn: “văn học so sánh Trung Quốc phát triển theo hướng toàn diện và sâu sắc, đội ngũ những người nghiên cứu văn học so sánh ngày một lớn mạnh, đồng thời các học giả Trung Quốc bắt đầu tham gia vào các cuộc hội thảo quốc tế, tham gia đối thoại lí luận của giới học thuật quốc tế với tư thái tích cực. Hiện nay, văn học so sánh Trung Quốc đã trở thành bộ phận tổ thành quan trọng của văn học so sánh quốc tế” [8].

3. Kết luận

Văn học so sánh không phải để so sánh văn học. Cả hai thái độ tự kỉ trung tâm luận lẫn tự ti dân tộc đều không phải là thái độ cần có trong văn học so sánh. Văn học so sánh xét như là một phân ngành của nghiên cứu văn học là một bộ môn của Khoa học xã hội nhân văn. Nó góp phần vào việc khám phá bản thân, biết người để hiểu mình, góp phần vào giao lưu văn hóa nhân loại. Đó cũng chính là tinh thần mà nhà triết học Ernest Renan từng chia sẻ: “Tôi nghĩ mình đã đào sâu từ văn học so sánh một ý nghĩa rộng lớn hơn nhiều về bản chất con người” (*L’Avenir de la Science - Tương lai của khoa học*, 1890). Các công trình văn học so sánh đúng nghĩa không nhằm phân cao thấp, chỉ ra hơn thua giữa các tác phẩm, các nhà văn, các trào lưu sáng tác hay các nền văn học. Mục đích, nhiệm vụ của các nhà văn học so sánh là thuyết minh sự tương đồng hay khác biệt cũng như cố gắng cắt nghĩa nguyên do dẫn đến những tương đồng và khác biệt ấy. Mà thực ra, một học giả văn học so sánh dù mang động cơ “phân cao thấp, biện hơn thua” thì cũng không thể chỉ ra được sự “cao thấp, hơn thua” đó vì thực thể văn học không hàm chứa sự hơn thua, cao thấp. Nếu như nhà nghiên cứu đang tự cho mình “chỉ ra” điều đó, thì trên thực tế anh ta chẳng qua là đang trình bày sự đánh giá-bình luận chủ quan của cá nhân mình. Bản thân sự giải thích, thuyết minh dù được cho là khách quan thì vẫn có thể không tránh được “mục đích” tiên thiên, chủ quan, hàm chứa tư tưởng “duy ngã”. Tuy nhiên, dù sao những mô tả, thuyết minh về

sự tương đồng, khác biệt trong văn học so sánh vẫn chứa đựng những dữ liệu cần tham khảo. Chân lí trong khoa học xã hội nhân văn là kết quả của một sự đối thoại lâu dài. Sự phát triển của văn học so sánh Trung Quốc đã cho thấy rõ điều đó và đã thể hiện được “nhu cầu tự ý thức của một nền văn hoá đang thức tỉnh” [9] khi hướng tới đề cao tinh thần đối thoại với nhiều nền văn hoá khác trên thế giới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] NX Kính, (2019). “Ngành văn học so sánh ở nước ngoài và Việt Nam”. *Tạp chí Nguồn sáng dân gian*, 3, 3-21.
- [2] NV Hoàn, (2020). “Tiếp nhận và ứng dụng lí thuyết văn học so sánh ở Trung Quốc qua các thời kì”. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, 8 (65), 10-22.
- [3] M.F Guyard, (1989). *La Littérature comparée*, Puf, “Que sais-je?”, “Văn học so sánh”, https://www.chungta.com/nd/tu-lieu-tra-cuu/van_hoc_so_sanh-4.html, ngày 1/9/2009.
- [4] TT Đạm, (1997). “Mấy vấn đề về đối tượng và chức năng của văn học so sánh”. *Tạp chí Văn học*, Số 9, 38 - 42.
- [5] Susan Bassnett, (2006). “Tổng quan văn học so sánh”, Ngân Xuyên dịch. *Tạp chí Nghiên cứu văn học*, Số 10, 36-43.
- [6] Chu TN, (1920). “Trung Quốc và Nga - Nói chuyện văn chương”. *Phụ san Thần Báo*, Bắc Kinh, Số ra ngày 16/11 (bản tiếng Trung), 4.
- [7] NTM Chanh, LT Tân, (2019). “Học giả Tiền Chung Thư - “núi Côn Lôn” của văn hoá Trung Hoa hiện đại”. *Tạp chí Lý luận - Phê bình Văn học Nghệ thuật*, 5, 109-113.
- [8] Ho AM, (2011). *Giáo trình văn học so sánh*, Lê Huy Tiêu dịch. NXB Giáo dục Việt Nam, 50.
- [9] TĐ Sĩ, (2020). *Cơ sở văn học so sánh*. NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 18.